TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/DS-ST
Ngày: 16 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến**,** là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng M (gọi tắt là V).

Địa chỉ: Số H, Đường L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP M).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh K, là chuyên viên xử lý nợ pháp lý Ngân hàng M (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2025, xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096097007150, cấp ngày 18/12/2021.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Số chứng minh nhân dân: 381543200, cấp ngày 21/9/2016.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Văn Đ có ký kết các hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng tại Ngân hàng M (sau đây gọi tắt là V), cụ thể: Hợp đồng số 325-P-9541501 ngày 17/3/2022, vay số tiền 26.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 22%/năm, lãi suất quá hạn 33%/năm, được điều chỉnh theo từng thời điểm; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hợp đồng số LD2207800117 ngày 19/3/2022, vay số tiền 160.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 22%/năm, lãi suất quá hạn 33%/năm, được điều chỉnh theo từng thời điểm; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hợp đồng số LD2231301519 ngày 09/11/2022, vay số tiền 61.000.000đ, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất trong hạn 22%/năm, lãi suất quá hạn 33%/năm, được điều chỉnh theo từng thời điểm; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Hình thức vay tiêu dùng tín chấp, trả góp hàng tháng. Sau khi nhận tiền, anh Đ có thanh toán cho V một phần nợ gốc và một phần nợ lãi phát sinh nhưng không đầy đủ, sau đó ngưng thanh toán cho đến nay.

Từ nội dung trên, V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng cho V như sau:

Nợ gốc: 184.422.491đ, nợ lãi trong hạn: 136.903.165đ, nợ lãi quá hạn: 78.451.583đ, tổng các khoản: 399.777.239đ.

Đối với hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số 325-P-9541501, V xin rút lại yêu cầu sẽ khởi kiện sau.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: V chỉ khởi kiện và yêu cầu một mình anh Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho V. Do đó, V tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án là đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự phát sinh giao dịch từ ngày 17/3/2022 đến ngày 15/02/2023 bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, do đó thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật sự. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn theo luật định. Đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng này được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của hai bên và phù hợp pháp luật, đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Căn cứ giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 19/3/2022 và ngày 09/11/2022 được thiết lập giữa V với anh Nguyễn Văn Đ thể hiện anh Đ có vay nợ tại V tổng số nợ gốc là 221.000.000đ và lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, V xác định rằng anh Đ có thanh toán cho V một phần nợ gốc và khoản nợ lãi phát sinh nhưng không đầy đủ. Vì vậy, có cơ sở xác định hiện tại anh Nguyễn Văn Đ còn nợ V khoản nợ gốc là 184.422.491đ và khoản nợ lãi chưa thanh toán nên cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho V là hoàn toàn phù hợp.

[4] Thấy rằng, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là cao so với quy định chung của pháp luật. Song, theo khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng có quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất. Tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Mặt khác, theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: "Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án" cũng là không đúng. Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N và Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để chấp nhận mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng mà anh Nguyễn Văn Đ và V đã giao kết.

Do vậy, cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho V với tổng số tiền 399.777.239đ, trong đó nợ gốc: 184.422.491đ, nợ lãi trong hạn: 136.903.165đ, nợ lãi quá hạn: 78.451.583đ là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu anh Đ trả khoản tiền cấp hạn mức tín dụng thẻ 15.360.455đ: Mặc dù trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2025, V yêu cầu anh Đ trả khoản tiền nêu trên. Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/3/2026, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền này. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của V về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả số tiền 15.360.455đ. Nếu sau này V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho V nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng M không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 422, 429 của Bộ luật sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng M tổng các khoản là: 399.777.239đ (ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 184.422.491đ, nợ lãi trong hạn: 136.903.165đ, nợ lãi quá hạn: 78.451.583đ và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng đến khi thi hành xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của V về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả số tiền 15.360.455đ. Nếu sau này V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 19.988.000đ (mười chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng). Ngân hàng M không phải nộp án phí, ngày 31/12/2025 V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.715.000đ (tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng), theo biên lai số 7437 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng M; anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ; văn thư.